

Bản án số: 579/2018/DS-PT

Ngày: 12-6-2018

V/v Tranh chấp thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các thẩm phán: Bà Châu Thị Điệp

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2018/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2018 về vụ việc “ Tranh chấp thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 78/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2326/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Anh V, sinh năm: 1975

Địa chỉ: 172 Đường I, Phường E, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm: 1980

(GUQ số 011383 ngày 19/5/2016 tại Văn phòng công chứng Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Phước T, sinh năm: 1960

Địa chỉ: 170 Đường I, Phường E, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Quý D1, sinh năm: 1993

(GUQ số 008654 ngày 30/6/2016 tại Văn phòng công chứng Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.)

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1964

Địa chỉ: 629/48 (số mới 629/12C) Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Phước B, sinh năm: 1975

Địa chỉ: 14/18 Đường I, Phường E, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Kim S, sinh năm: 1950

(GUQ số 02660 ngày 11/5/2018 tại Văn phòng công chứng Lương Khánh Linh, Thành phố Hồ Chí Minh.)

4. Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm: 1973

Địa chỉ: 172 Đường I, Phường E, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1983

Địa chỉ: 172 Đường I, Phường E, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Phước N2, sinh năm: 1986

Địa chỉ: 172 Đường I, Phường E, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Trần Phan Hoài P, sinh năm: 1991

(GUQ số 016715 ngày 21/10/2017 tại Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Phước B, bà Nguyễn Thị Tuyết N và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Y:

Nguyên căn nhà số 14/18 (nay là số 172) Đường I, Phường E, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là do ông Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1906, chết 1988) tạo lập. Căn nhà này đã thực hiện thủ tục hợp thức hóa và khai nhận di sản thừa kế cho các con của ông Đ là ông Nguyễn Trung T1 (chết năm 2005), Nguyễn Thị N3 (chết năm 2010), Nguyễn Thị D (chết năm 2014), Nguyễn Thị A (chết năm 2016) và đã được Ủy ban nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy hợp thức hóa quyền sở hữu nhà ở số 2236/GP – UB ngày 30/3/1993, tờ khai chuyển dịch tài sản nộp thuế trước bạ ngày 05/4/1993.

Hiện nay ông T1, bà N3, bà D và bà A có người thừa kế sau đây:

- Bà N3, bà D không có chồng, con (kể cả con nuôi), cha mẹ bà D đã chết trước bà D. Về anh chị em ruột bà N3, bà D chỉ có ông T1 và bà A. Ông T1 cũng chết trước bà N3, bà D nên chỉ còn bà A là người thừa kế tài sản của 02 người này. Tuy nhiên, hiện nay bà A cũng đã chết nên con bà A là ông Nguyễn Anh V được hưởng phần thừa kế mà bà A được hưởng.

- Ông T1 có những người thừa kế sau: Bà Trần Thị L (vợ, đã chết) và các con là Nguyễn Phước T, Nguyễn Phước K, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Phước B và Nguyễn Thị Tuyết M.

- Bà Nguyễn Thị A có chồng là ông Nguyễn Văn B1 (chết năm 1975) có 01 người con duy nhất là Nguyễn Anh V.

Ông V đã nhiều lần yêu cầu chia tài sản là căn nhà số 14/18 (nay là 172) Đường I, Phường E, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng những người trên không đồng ý. Vì vậy ông V khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết, chia căn nhà trên cho ông được hưởng $\frac{3}{4}$ trị giá căn nhà (trong đó $\frac{1}{4}$ là phần của bà A mẹ ông và $\frac{2}{4}$ là phần của bà A được hưởng).

Bị đơn Ông Nguyễn Phước T do bà Nguyễn Quý D1 là đại diện theo ủy quyền trình bày: Tôi đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Anh V.

Bị đơn Ông Nguyễn Phước B, ông Nguyễn Phước K, bà Nguyễn Thị Tuyết M, bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày: Nguồn gốc căn nhà số 14/18 (nay là 172) Đường I, Phường E, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Nguyễn Văn Đ tạo lập và xây dựng (là ông nội của các bị đơn). Trên cơ sở khởi kiện của nguyên đơn, 04 người con của ông Đ đã chết, chỉ còn lại hàng thừa kế thứ hai là 06 người cháu ruột, đồng thời ông V không có sinh sống tại căn nhà trên, cũng không đóng góp tiền để sửa chữa, xây dựng, gìn giữ căn nhà trong suốt thời gian từ khi ông Đ chết.

Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết chia giá trị tài sản căn nhà trên thành 06 phần đều nhau và mỗi người cháu một phần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước N2 trình bày:

Di sản thừa kế đang bị tranh chấp là căn nhà số 14/18 (nay là 172) Đường I, Phường E, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là của cố Nguyễn Văn Đ. Năm 1993, căn nhà trên được chia cho 04 người con là Nguyễn Trung T1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị N3 và Nguyễn Thị D. Ông Nguyễn Trung T1 (chết năm 2005) có vợ là bà Trần Thị L (chết năm 2001) và 06 người con là Nguyễn Phước T, Nguyễn Phước T3, Nguyễn Phước K, Nguyễn Phước B, Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Thị Tuyết N. Ông Nguyễn Phước T3 (chết năm 1986) và có 02 con là tôi Nguyễn Phước N2 và Nguyễn Thị Ngọc H. Nay tôi yêu cầu được hưởng phần thừa kế của cha tôi là ông Nguyễn Phước T3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh V, tôi yêu cầu chia thừa kế căn nhà số 172 Đường I, Phường E, quận X cho tôi và anh trai tôi là ông Nguyễn Phước N2 theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 78/2018/DS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Anh V:

- Xác định nhà đất số 172 Đường I, Phường E (số cũ 14/18 Đường I, Phường Q) quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ được chia cho các thừa kế là ông Nguyễn Anh V, ông Nguyễn Phước T, ông Nguyễn Phước B, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Phước N2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà đất số 172 Đường I, Phường E (số cũ 14/18 Đường I, Phường Q), quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi trừ đi chi phí phát mãi, thuế, lệ phí chuyển nhượng cho bên mua nhà thì ông Nguyễn Anh V được nhận $\frac{3}{4}$ giá trị quyền sử dụng đất còn lại; ông Nguyễn Phước T, ông Nguyễn Phước B, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Phước N2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H được nhận $\frac{1}{4}$ giá trị quyền sử dụng đất còn lại. Ngoài ra, ông Nguyễn Phước T, ông Nguyễn Phước B, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Phước N2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H còn được nhận toàn bộ giá trị xây dựng tại thời điểm phát mãi.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Anh V phải chịu án phí là: 104.717.600đ (Một trăm lẻ tư triệu bảy trăm mười bảy ngàn sáu trăm đồng). Số tiền này được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ông Nguyễn Anh V đã nộp là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0010553 ngày 03/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi căn trừ, ông Nguyễn Anh V còn phải nộp thêm số tiền là 90.717.600đ (Chín mươi triệu bảy trăm mười bảy ngàn sáu trăm đồng).

- Ông Trung, ông B, bà N, bà M, ông N2 và bà H phải chịu án phí là: 60.891.859đ (Sáu mươi triệu tám trăm chín mươi một ngàn tám trăm năm mươi chín đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Phước B, bà Nguyễn Thị Tuyết N và bà Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo với yêu cầu được hưởng thừa kế $\frac{1}{2}$ diện tích đất và toàn bộ giá trị nhà để ở và thờ cúng ông bà, hoàn lại cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ giá trị đất của căn nhà số 172 Đường I, Phường E (số cũ 14/18 Đường I, Phường Q) quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện ông Nguyễn Phước B là bà Nguyễn Kim S, bà Nguyễn Thị Tuyết M, bà Nguyễn Thị Tuyết N và bà Nguyễn Thị Ngọc H thay đổi một phần nội dung kháng cáo, cụ thể: Đề nghị được hoàn lại cho nguyên đơn $\frac{3}{4}$ giá trị quyền sử dụng đất theo giá đã định là 3.635.880.000 đồng của căn nhà số 172 Đường I, Phường E (số cũ 14/18 Đường I, Phường Q) quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, các nội dung khác không thay đổi.

Đại diện nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bên bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện bị đơn ông Nguyễn Phước T là bà Nguyễn Quý D1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Phước N2 có đại diện là bà Trần Phan Hoài Phương đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Phước B, bà Nguyễn Thị Tuyết N và bà Nguyễn Thị Ngọc H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Phước B, bà Nguyễn Thị Tuyết N và bà Nguyễn Thị Ngọc H làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự trên có đủ căn cứ xác định:

- Về nguồn gốc nhà đất căn nhà số 14/18 Đường I, Phường Q, quận X (nay là số 172 Đường I, Phường E, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh): Căn cứ Giấy phép hợp thức hóa quyền sở hữu nhà số 2236/GP-UB ngày 30/3/1993; Tờ khai chuyển dịch tài sản nộp thuế trước bạ ngày 07/4/1993 và trích sao sổ trước bạ nhà đất số 84/TS-CT ngày 01/2/2016 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh thì nhà đất nêu trên là tài sản của cụ Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1906, chết năm 1988). Khi chết không để lại di chúc nên được chia theo quy định pháp luật.

- Về hàng thừa kế thứ nhất: Ông Đ có 04 người con là: Ông Nguyễn Trung T1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị N3 và bà Nguyễn Thị A.

Ông Nguyễn Trung T1 (chết năm 2005) có vợ là bà Trần Thị L (chết năm 2001) và 08 người con là: Ông Nguyễn Phước T, ông Nguyễn Phước K (chết năm 2017), ông Nguyễn Phước B, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Phước Nghĩa (chết năm 2014, không có vợ con), ông Nguyễn Phước Cường (chết năm 2015, không có vợ con) và ông Nguyễn Phước T3 (chết năm 1986) có vợ là bà Lê Thị Kim Liên và 02 con là ông Nguyễn Phước N2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Do ông Nguyễn Trung T1 và vợ là bà Trần Thị L đã chết nên các con của ông là những người được hưởng phần thừa kế của ông. Do ông Nghĩa và ông Cường đều đã chết và không có gia đình nên những người còn lại được hưởng thừa kế là ông Trung, ông B, bà N và bà M. Do ông Thiện chết năm 1986 (chết trước ông T1) nên con của ông Thiện là ông Nguyễn Phước N2, bà Nguyễn Thị

Ngọc H là những người được hưởng thừa kế thế vị của cha là ông Nguyễn Phước T3.

Như vậy, ông Trung, ông B, bà N, bà M, ông N2 và bà H là những người được hưởng phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Trung T1.

Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1931 (chết năm 2010), bà N3 không có gia đình và bố mẹ đã chết nên hàng thứ kế thứ nhất không có; hàng thừa kế thứ hai có ông Nguyễn Trung T1, bà Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị A. Do ông T1 đã chết trước bà N3 nên chỉ có bà D và bà A được hưởng phần thừa kế của bà N3.

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1933 (chết năm 2014), bà D không có gia đình và bố mẹ đã chết nên hàng thứ kế thứ nhất không có; hàng thừa kế thứ hai có ông Nguyễn Trung T1, bà Nguyễn Thị A. Do ông T1 đã chết trước bà D nên chỉ có bà A được hưởng phần thừa kế của bà N3 và bà D.

Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1941 (chết năm 2016), bà A có chồng là ông Nguyễn Văn Bê (chết năm 1975) và con là ông Nguyễn Anh V. Trước khi chết bà A có lập di chúc cho con là ông Nguyễn Anh V được thừa hưởng di sản thừa kế là toàn bộ phần sở hữu của bà đối với nhà đất số 172 Đường I, Phường E, quận X (số cũ 14/18 Đường I, Phường Q, quận X) Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, việc ông Nguyễn Anh V yêu cầu được hưởng $\frac{3}{4}$ giá trị tài sản thừa kế là đúng quy định pháp luật trong việc chia di sản thừa kế như đã nhận xét trên.

Mặt khác trong quá trình giả quyết vụ án nguyên đơn đã tự nguyện chỉ yêu cầu được hưởng $\frac{3}{4}$ giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia trị giá phần xây dựng nhà là có lợi cho bên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Do đó việc các đương sự kháng cáo yêu cầu được nhận toàn bộ giá trị nhà đất để ở và thờ cúng ông bà, hoàn lại cho nguyên đơn $\frac{3}{4}$ giá trị đất của căn nhà số 172 Đường I, Phường E (số cũ 14/18 Đường I, Phường Q) quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ, không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Phước B, bà Nguyễn Thị Tuyết N và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, viện dẫn điều luật để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong việc chia thừa kế tài sản tranh chấp là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bên kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Phước B, bà Nguyễn Thị Tuyết N và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Anh V:

- Công nhận nhà đất số 172 Đường I, Phường E (số cũ 14/18 Đường I, Phường Q) quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ được chia cho các thừa kế là ông Nguyễn Anh V, ông Nguyễn Phước T, ông Nguyễn Phước B, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Phước N2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà đất số 172 Đường I, Phường E (số cũ 14/18 Đường I, Phường Q) , quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi trừ đi chi phí phát mãi, thuế, lệ phí chuyển nhượng cho bên mua nhà thì ông Nguyễn Anh V được nhận $\frac{3}{4}$ giá trị quyền sử dụng đất còn lại; ông Nguyễn Phước T, ông Nguyễn Phước B, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Phước N2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H được nhận $\frac{1}{4}$ giá trị quyền sử dụng đất còn lại. Ngoài ra, ông Nguyễn Phước T, ông Nguyễn Phước B, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Phước N2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H còn được nhận toàn bộ giá trị xây dựng tại thời điểm phát mãi.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Anh V phải chịu án phí là: 104.717.600 đồng được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ông Nguyễn Anh V đã nộp là 14.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0010553 ngày 03/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cân trừ, ông Nguyễn Anh V còn phải nộp thêm số tiền là 90.717.600 đồng.

- Ông T, ông B, bà N, bà M, ông N2 và bà H cùng phải chịu án phí là: 60.891.859 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Phước B, bà Nguyễn Thị Tuyết N và bà Nguyễn Thị Ngọc H mỗi người chịu là 300.000 đồng được cân trừ vào các Biên lai thu số 0007833, 0007834, 0007835, 0007836 cùng ngày 07/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận X;
- Chi Cục THADS quận X;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên